

LÊ T



CK.0000071113

ẤN MINH TUỆ (Chủ biên)

ĐÀ - LÊ MỸ DUNG - NGUYỄN TRỌNG ĐỨC

TIN - TRẦN NGỌC ĐIỆP

ĐỊA LÝ DU LỊCH VIỆT NAM

UYÊN
LIÊU



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

NGUYỄN MINH TUỆ (Chủ biên)
LÊ THÔNG - VŨ ĐÌNH HOÀ - LÊ MỸ DUNG - NGUYỄN TRỌNG ĐỨC
LÊ VĂN TIN - TRẦN NGỌC ĐIệp

Địa lý Du lịch VIỆT NAM

(Tái bản lần thứ tư)

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

1940
1941
1942
1943
1944
1945
1946
1947
1948
1949
1950
1951
1952
1953
1954
1955
1956
1957
1958
1959
1960
1961
1962
1963
1964
1965
1966
1967
1968
1969
1970
1971
1972
1973
1974
1975
1976
1977
1978
1979
1980
1981
1982
1983
1984
1985
1986
1987
1988
1989
1990
1991
1992
1993
1994
1995
1996
1997
1998
1999
2000
2001
2002
2003
2004
2005
2006
2007
2008
2009
2010
2011
2012
2013
2014
2015
2016
2017
2018
2019
2020
2021
2022
2023
2024
2025

LỜI NÓI ĐẦU

Du lịch là một ngành kinh tế quan trọng không chỉ trên bình diện thế giới, mà còn cả ở Việt Nam. Nói đến du lịch, nhiều người cho rằng đây là "ngành công nghiệp không khói", là "con gà đẻ trứng vàng". Với tư cách như một ngành thuộc lĩnh vực dịch vụ, du lịch trên thực tế đem lại hiệu quả cao về các mặt kinh tế, xã hội và cả môi trường nếu như biết khai thác hợp lý mọi tiềm năng để phát triển bền vững. Còn ngược lại, thì đằng sau sự phát triển của du lịch nhả ra rất nhiều khói, thậm chí toàn là khói độc và con gà kia, đến quả trứng thường bé xíu, cũng không thể đẻ ra được.

Ở nước ta, đào tạo nguồn nhân lực cho du lịch là một trong những vấn đề được quan tâm hàng đầu. Từ thập niên 90 của thế kỷ XX trở đi, nhiều khoa Du lịch thuộc các trường đại học, kể cả công lập lẫn tư thục, đã được thành lập và phát triển với mục tiêu góp phần đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng ở bậc đại học. Địa lý du lịch trở thành một trong những môn cơ sở thường được các trường đại học đưa vào chương trình giảng dạy cho sinh viên.

Để đáp ứng nhu cầu to lớn về đào tạo, năm 1996 chúng tôi biên soạn cuốn "Địa lý du lịch" và ngay lập tức, nó đã được nhiều cơ sở đào tạo du lịch sử dụng như là một giáo trình. Từ đó đến nay, nhiều năm trôi qua và thực tiễn cũng có biết bao thay đổi. Chính bối cảnh đó đã thúc giục chúng tôi đầu tư thời gian và công sức để hoàn thành cuốn sách **Địa lý du lịch Việt Nam** với hệ thống kiến thức cập nhật nhất tính đến thời điểm hiện tại dưới góc độ Địa lý học.

Nội dung cuốn sách bao gồm 2 phần với 7 chương. Phần một: Tổng quan cơ sở lý luận về Địa lý du lịch (3 chương) và phần hai - phần chủ yếu - trình bày Địa lý du lịch Việt Nam (4 chương). Bằng hệ thống kiến thức cơ bản, cập nhật, các phần cũng như các chương, mục kế tiếp nhau và có mối liên hệ chặt chẽ với nhau nhằm giúp bạn đọc có điều kiện hiểu rõ hơn về những nội dung liên quan đến Địa lý du lịch của nước ta. Bên cạnh lượng kiến thức cần thiết, phần kênh chữ đóng khung và một số ảnh có thể coi là những minh họa cụ thể về một đối tượng du lịch nào đó được trích dẫn từ các nguồn tài liệu khác nhau. Nhân dịp này, xin chân thành cảm ơn quý vị tác giả về các tài liệu trích dẫn cũng như một số ảnh chụp và cho phép chúng tôi được sử dụng để minh họa.

Hy vọng rằng cuốn sách sẽ là tài liệu hữu ích cho đông đảo sinh viên thuộc các chuyên ngành liên quan đến du lịch cũng như cho cả những ai quan tâm tới lĩnh vực này ở nước ta.

CÁC TÁC GIẢ



Phần một: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ ĐỊA LÝ DU LỊCH

Chương I. ĐỐI TƯỢNG, NHIỆM VỤ, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

I. DU LỊCH VÀ VAI TRÒ, Ý NGHĨA CỦA DU LỊCH

I.1. Các khái niệm

Từ xa xưa trong lịch sử nhân loại, du lịch đã được ghi nhận như một sở thích, một nhu cầu, một hoạt động nghỉ ngơi tích cực của con người. Ngày nay, du lịch được xác định là một ngành kinh tế tổng hợp quan trọng, mang nội dung văn hoá sâu sắc, có tính liên ngành, liên vùng và xã hội hoá cao. Phát triển du lịch nhằm đáp ứng nhu cầu tham quan, giải trí, nghỉ dưỡng của nhân dân và khách du lịch quốc tế, góp phần nâng cao dân trí, tạo việc làm và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

I.1.1. Khái niệm về du lịch

Thuật ngữ *du lịch* ngày nay được sử dụng phổ biến trên thế giới. Tuy nhiên, có nhiều ý kiến khác nhau về nguồn gốc của thuật ngữ này.

Theo một số học giả, du lịch bắt nguồn từ tiếng Hi Lạp “Tonos” nghĩa là đi một vòng. Thuật ngữ này được Latinh hoá thành “Turnur” và sau đó thành “Tour” (tiếng Pháp), nghĩa là đi vòng quanh, cuộc dạo chơi, còn “Touriste” là người đi dạo chơi. Theo Robert Langquar (năm 1980), từ “Tourism” (du lịch) lần đầu tiên xuất hiện trong tiếng Anh khoảng năm 1800 và được quốc tế hoá nên nhiều nước đã sử dụng trực tiếp mà không dịch nghĩa. Một số học giả khác lại cho rằng du lịch không phải xuất phát từ tiếng Hi Lạp mà từ tiếng Pháp “le tour”, có nghĩa là một cuộc hành trình đến nơi nào đó và quay trở lại, sau đó từ gốc này ảnh hưởng ra phạm vi toàn thế giới... Như vậy, nhìn chung chưa có một sự thống nhất về nguồn gốc thuật ngữ du lịch, song điều cơ bản của thuật ngữ này đều bắt nguồn từ gốc là *cuộc hành trình đi một vòng, từ một nơi này đến một nơi khác và có quay trở lại*. Trong tiếng Việt, thuật ngữ *du lịch* được giải nghĩa theo âm Hán - Việt: *du* có nghĩa là đi chơi, *lịch* có nghĩa là sự từng trải.

Cũng tương tự như vậy, có nhiều quan niệm không giống nhau về khái niệm du lịch.

Năm 1811, định nghĩa về du lịch lần đầu tiên xuất hiện tại nước Anh: “Du lịch là sự phối hợp nhịp nhàng giữa lý thuyết và thực hành của các cuộc hành trình với mục đích giải trí”. Khái niệm này tương đối đơn giản và coi giải trí là động cơ chính của hoạt động du lịch.

Năm 1930, Glusman người Thụy Sĩ định nghĩa: “Du lịch là sự chinh phục không gian của những người đến một địa điểm, mà ở đó họ không có chỗ cư trú thường xuyên”.

Hai học giả Hunziker và Krapf, những người đặt nền móng cho lý thuyết về cung - cầu du lịch, đưa ra định nghĩa: “Du lịch là tập hợp của các mối quan hệ và các hiện tượng phát sinh trong các cuộc hành trình và lưu trú của những người ngoài địa phương, nếu việc lưu trú đó không thành cư trú thường xuyên và không liên quan đến hoạt động kiếm lời”. So với các quan niệm trên, quan niệm của Hunziker và Krapf đã thể hiện tương đối đầy đủ và bao quát các hiện tượng du lịch. Tuy nhiên, quan niệm này chưa làm rõ được đặc trưng của các hiện tượng và của mối quan hệ du lịch (các mối quan hệ nào và hiện tượng nào thuộc loại kinh tế, chính trị, xã hội, văn hoá...). Ngoài ra, định nghĩa bỏ sót hoạt động của các công ty giữ nhiệm vụ trung gian, nhiệm vụ tổ chức du lịch và nhiệm vụ sản xuất hàng hoá, dịch vụ đáp ứng nhu cầu của khách du lịch.

Theo I.I Pirojnik (năm 1985) “Du lịch là một dạng hoạt động của dân cư trong thời gian rỗi liên quan với sự di chuyển và lưu trú tạm thời bên ngoài nơi cư trú thường xuyên nhằm nghỉ ngơi, chữa bệnh, phát triển thể chất và tinh thần, nâng cao trình độ nhận thức – văn hoá hoặc thể thao kèm theo việc tiêu thụ những giá trị về tự nhiên, kinh tế và văn hoá”.

Tháng 6/1991, tại Ottawa (Canada), Hội nghị quốc tế về Thống kê Du lịch cũng đưa ra định nghĩa: “Du lịch là hoạt động của con người đi tới một nơi ngoài môi trường thường xuyên (nơi ở thường xuyên của mình), trong một khoảng thời gian ít hơn khoảng thời gian đã được các tổ chức du lịch quy định trước, mục đích của chuyến đi không phải là để tiến hành các hoạt động kiếm tiền trong phạm vi vùng đến thăm”.

Hội nghị lần thứ 27 (năm 1993) của Tổ chức Du lịch Thế giới (UNWTO) đã đưa ra khái niệm du lịch thay thế cho khái niệm năm 1963: “Du lịch là hoạt động về chuyến đi đến một nơi khác với môi trường sống thường xuyên (*usual environment*) của con người và ở lại đó để tham quan, nghỉ ngơi, vui chơi giải trí hay các mục đích khác ngoài các hoạt động để có thù lao ở nơi đến với thời gian liên tục ít hơn 1 năm”.

Trong Luật Du lịch Việt Nam (ban hành năm 2005), tại điều 4, chương I định nghĩa: “*Du lịch là các hoạt động có liên quan đến chuyến đi của con người ngoài nơi cư trú thường xuyên của mình nhằm đáp ứng nhu cầu tham quan, tìm hiểu, giải trí, nghỉ dưỡng trong một khoảng thời gian nhất định*”.

Như vậy, có thể thấy rõ sự khác nhau về quan niệm du lịch. Tuy nhiên theo thời gian, các quan niệm này dần hoàn thiện. Trong điều kiện của nước ta hiện nay, quan niệm phổ biến được công nhận rộng rãi là quan niệm được trình bày trong Luật Du lịch Việt Nam được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XI, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2005.

1.1.2. Khách du lịch

Có nhiều quan niệm khác nhau về khách du lịch. Theo một số nhà nghiên cứu, định nghĩa đầu tiên về khách du lịch xuất hiện vào cuối thế kỷ XVIII tại Pháp: "Khách du lịch là những người thực hiện một cuộc hành trình lớn" (cuộc hành trình dọc theo bờ Địa Trung Hải, xuống phía tây nam nước Pháp và vùng Bourgone).

Vào đầu thế kỷ XX, nhà kinh tế học người Áo, Josef Stander định nghĩa: "Khách du lịch là những hành khách đi lại, ở lại theo ý thích ngoài nơi cư trú thường xuyên để thoả mãn các nhu cầu sinh hoạt cao cấp mà không theo đuổi các mục đích kinh tế".

Theo Khadginicolov (Bungari) "Khách du lịch là người hành trình tự nguyện, với những mục đích hoà bình. Trong cuộc hành trình của mình, họ đi qua những chặng đường khác nhau và thay đổi một hoặc nhiều lần nơi cư trú của mình".

Như vậy, có nhiều quan niệm về khách du lịch. Tuy nhiên, về cơ bản chúng còn phiến diện và chưa phản ánh đầy đủ nội hàm của khái niệm. Một số mới chỉ dừng lại ở việc phân tích động cơ du lịch, hoặc bóc tách du lịch khỏi các chức năng kinh tế – xã hội...

Hội nghị quốc tế về du lịch tại Hà Lan (năm 1989) đã đưa ra quan niệm: "Khách du lịch quốc tế là những người trên đường đi thăm một hoặc một số nước khác với nước mà họ cư trú thường xuyên với mục đích của chuyến đi là tham quan, thăm viếng, nghỉ ngơi với thời gian 3 tháng, nếu trên 3 tháng phải được phép gia hạn. Khách du lịch không được làm bất cứ việc gì để được trả thù lao tại nước đến do ý muốn của khách hay do yêu cầu của nước sở tại, sau khi kết thúc đợt tham quan hay lưu trú, phải rời khỏi nước đến tham quan để về nước thường trú của mình hoặc đi đến một nước khác".

Năm 1993, theo đề nghị của Tổ chức Du lịch Thế giới, Hội đồng Thống kê Liên hợp quốc (UNSC) đã công nhận những thuật ngữ sau để thống nhất việc soạn thảo thống kê du lịch:

– Khách du lịch quốc tế (International tourist) bao gồm:

+ Khách du lịch quốc tế đến (Inbound tourist): gồm những người nước ngoài đến du lịch một quốc gia.

+ Khách du lịch quốc tế ra nước ngoài (Outbound tourist): gồm những người đang sống trong một quốc gia đi du lịch nước ngoài.

– Khách du lịch trong nước (Internal tourist): gồm những người là công dân của một quốc gia và những người nước ngoài đang sống trên lãnh thổ của quốc gia đó đi du lịch trong nước.

+ Khách du lịch nội địa (Domestic tourist): bao gồm khách du lịch trong nước và khách du lịch quốc tế đến.

+ Khách du lịch quốc gia (National tourist): bao gồm khách du lịch trong nước và khách du lịch quốc tế ra nước ngoài.

Hiện nay, trong các thống kê của Việt Nam: Khách du lịch là những người đi ra khỏi môi trường sống thường xuyên của mình để đến một nơi khác trong thời gian ít hơn 12 tháng liên tục, với mục đích chính của chuyến đi là tham quan, nghỉ ngơi, vui chơi giải trí hay các mục đích khác ngoài việc tiến hành các hoạt động để đem lại thu nhập và kiếm sống ở nơi đến. Khái niệm khách du lịch này được áp dụng cho cả khách du lịch quốc tế, khách du lịch trong nước và áp dụng cho cả khách đi du lịch trong ngày và đi du lịch dài ngày có nghỉ qua đêm⁽¹⁾.

Khách du lịch quốc tế: được hiểu là những người đi ra khỏi môi trường sống thường xuyên của một nước đang thường trú đến một nước khác trong thời gian ít hơn 12 tháng với mục đích của chuyến đi không phải để tiến hành các hoạt động nhằm thu được thù lao ở nơi đến.

Khách du lịch quốc tế không bao gồm các trường hợp sau:

(a) Những người đến và sống như một người cư trú ở nước đó, kể cả những người đi theo sống dựa vào họ.

(b) Những người dân lao động cư trú ở vùng biên giới của một nước, nhưng lại làm việc ở nước khác đi lại hằng ngày.

⁽¹⁾ TS. Lý Minh Khai. *Thực trạng và hướng hoàn thiện hệ thống chỉ tiêu thống kê du lịch*, 2001.